

Biểu số 89/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Trần Đề)

Đơn vị: ngàn đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Số bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã
			Tổng số	Chia ra					
				Thu ngân sách xã hưởng 100%	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số	7.269.000	2.226.500	721.000	1.505.500	60.393.020	0	0	62.619.520
01	Xã Đại Ân 2	479.000	258.500	59.000	199.500	5.639.460			5.897.960
02	Xã Trung Bình	663.000	344.600	45.000	299.600	5.320.860			5.665.460
03	Xã Lịch Hội Thượng	220.000	125.600	36.000	89.600	4.785.010			4.910.610
04	Xã Liêu Tú	252.000	141.900	39.000	102.900	5.555.290			5.697.190
05	Xã Viên Bình	133.000	95.300	89.000	6.300	5.370.570			5.465.870
06	Xã Viên An	159.000	118.700	111.000	7.700	5.734.700			5.853.400
07	Xã Tài Văn	254.000	132.100	18.000	114.100	5.596.810			5.728.910
08	Xã Thạnh Thới An	115.000	86.500	83.000	3.500	5.693.340			5.779.840
09	Xã Thạnh Thới Thuận	104.000	78.500	75.000	3.500	5.591.890			5.670.390
10	Thị trấn Lịch Hội Thượng	3.440.000	533.000	80.000	453.000	5.897.380			6.430.380
11	Thị trấn Trần Đề	1.450.000	311.800	86.000	225.800	5.207.710			5.519.510